

chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường cãi nhau và ly thân từ ngày 19/4/2020 al đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn với anh L.

Thời gian chung sống, chị T và anh L có 02 con chung tên Phan Văn L, sinh năm 1992 và Phan Văn D, sinh ngày 01/02/2006. Hiện cháu L đã có gia đình và sống riêng, còn cháu D đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu D nhưng không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị T không yêu cầu giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 20/7/2020, biên bản hòa giải ngày 20/7/2020, anh Phan Văn L trình bày:*

Anh L thống nhất với phần trình bày của chị Dư Hồng T về các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Đồng thời anh L thừa nhận thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, có cự cãi nhau và chị T đã bỏ nhà đi từ ngày 19/4/2020 đến nay. Tuy nhiên, anh L yêu cầu hàn gắn để tiếp tục chung sống với chị T. Nếu ly hôn thì anh L thống nhất con chung theo ai người đó nuôi dạy, anh L không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên anh L không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị T và anh L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do chị T và anh L chung sống không còn hạnh phúc và đã ly thân từ ngày 19/4/2020 đến nay. Đồng thời, chị T vẫn bảo lưu yêu cầu ly hôn với anh L nên cần xử lý cho anh chị được ly hôn; Do cháu D có nguyện vọng được sống với chị T nên giao chị T tiếp tục nuôi dạy, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Dư Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn L. Do chị T và anh L chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh L có địa chỉ tại ấp A, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vào ngày 25/8/2020 chị T có yêu cầu xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Dư Hồng T và anh Phan Văn L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 21/9/2007. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị T yêu cầu ly hôn với anh L nhưng anh L không thống nhất ly hôn mà yêu cầu hàn gắn để tiếp tục chung sống với chị T. Xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 20/7/2020 anh L thừa nhận thời gian chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn và chị T đã bỏ nhà đi từ ngày 19/4/2020 đến nay. Hơn nữa, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do chị T không thống nhất hàn gắn để tiếp tục chung sống với anh L. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Dư Hồng T và anh Phan Văn L được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Phan Văn L, sinh năm 1992 và Phan Văn D, sinh ngày 01/02/2006. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu D, cháu Lân đã trưởng thành theo ai người đó nuôi dạy là có căn cứ. Bởi vì, cháu Lân hiện chị T nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con

sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu D. Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/7/2020 của cháu D có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T. Do cháu D đã trên 07 tuổi nên yêu cầu và nguyện vọng của cháu D là phù hợp và được pháp luật bảo vệ. Hơn nữa, tại biên bản hòa giải ngày 20/7/2020 anh L thống nhất con chung theo ai người đó nuôi dạy. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu D cho chị T nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu Dương nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tại biên bản hòa giải ngày 20/7/2020 chị T và anh L xác định thời gian chung sống anh chị có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận xong, nợ chung không có nên anh chị không yêu cầu giải quyết, tại đơn xác nhận ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận vợ chồng chị T không bị ai thừa kiện về nợ tại địa phương, vì vậy Hội đồng không xét là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dư Hồng T phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1.Xét xử vắng mặt đối với chị Dư Hồng T và anh Phan Văn L.
- 2.Về hôn nhân: Chị Dư Hồng T và anh Phan Văn L được ly hôn.

3. Về con chung: Giao con chung tên Phan Văn D, sinh ngày 01/02/2006 (giới tính nam) cho chị Dư Hồng T tiếp tục nuôi dạy. Anh Phan Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L không trực tiếp nuôi dạy cháu D nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được quyền cản trở.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dư Hồng T phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 15 tháng 6 năm 2020 chị T có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011281 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bản án này là sơ thẩm, báo cho đương sự biết và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang